

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T22/NUTRICARE/2022

Sữa dinh dưỡng pha sẵn Metacare Gold

Năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T22/NUTRICARE/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số giấy chứng nhận cấp cơ sở đủ điều kiện ATTP:

Ngày cấp/ Nơi cấp:

(Không thuộc đối tượng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP)

II. Thông tin về sản phẩm:

- Tên sản phẩm:** Sữa dinh dưỡng pha sẵn Metacare Gold
- Thành phần:** Nước, Bột sữa (9%), Sucrose, Chất béo sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất ổn định (466, 460i, 407, 471), Hỗn hợp Khoáng và Vitamin (Kali iodid, Magiê oxit, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Natri selenit, Crôm clorid, Natri molybdat, Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Vitamin K1, Vitamin K2 (MK-7), Natri ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Nicotinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, Biotin), Dầu oliu nguyên chất (50 mg/l), DHA, Cholin, Taurin, Nucleotit, HMO (2'-FL), Chất chống oxi hóa (Hỗn hợp Tocopherol), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.
Sản phẩm có chứa sữa.
- Hạn sử dụng:** 8 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất, Lô sản xuất, Hạn sử dụng: được in trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
 - Quy cách bao gói: Hộp/túi: 110 ml, 180 ml, 220 ml. (Đóng gói phù hợp theo quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy, túi giấy có lớp trong cùng là PE tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**



Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.

VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, liên kè 2, KĐT Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP Hà Nội.

Sản xuất tại:

- Nhà máy Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare (N). Địa chỉ: Lô V.11 và V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Điện thoại: 024 66833368
- Công ty Cổ Phần Sữa Hà Nội (H). Địa chỉ: Km 9, đường Bắc Thăng Long, Nội Bài, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 024.8866.567/63

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn phụ sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

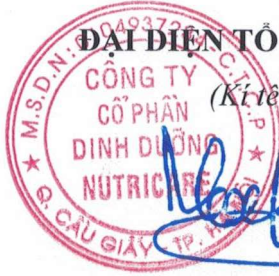
1. Theo quy định của các văn bản kỹ thuật

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 22/2022/TCSP – NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN 
(Ký tên, đóng dấu)

KHÔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh

KHÔNG CHẤT BẢO QUẢN,
KHÔNG CHẤT TẠO MÀU

THÀNH PHẦN: Nước, Bột sữa (9%), Sucrose, Chất béo sữa, Béo thực vật, Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Chất ổn định (466, 460i, 407, 471), Hỗn hợp Khoáng và Vitamin (Kali iodid, Magiê oxit, Kẽm sulfat, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Natri selenit, Crôm đorid, Natri molybdat, Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Vitamin K1, Vitamin K2 (MK-7), Natri ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Nicotinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydrodorit, Axit folic, Cyanocobalamin, Biotin), Dầu ô liu (50 mg/l), DHA, Cholin, Taurin, Nucleotit, HMO (2'-FL), Chất chống oxy hóa (Hỗn hợp Tocopherol), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm.
Sản phẩm có chứa sữa.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Nên dùng 2 - 3 hộp mỗi ngày. Lắc đều trước khi sử dụng. Ngon hơn khi uống lạnh. Sản phẩm cho 1 lần sử dụng.

BẢO QUẢN:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lưu ý: Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.



Main ingredient
from USA



HMO (2'-FL), cùng chất xơ hòa tan FOS/Inulin cải thiện hệ tiêu hóa, ngăn ngừa táo bón.



Cung cấp DHA, Cholin, I-ốt hỗ trợ phát triển não bộ, cùng Axit folic giúp trẻ tăng khả năng ghi nhớ và học hỏi.

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:
Công ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nutricare.
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 1, LK2, KĐT Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội. Điện thoại: 024.6683.3368.
Số CBSP: T22/NUTRICARE/2022.
Xuất xứ: Việt Nam. HSD & NSX: Xem trên bao bì.



TIÊU HÓA KHỎE
MIỄN DỊCH TỐT



Thực phẩm bổ sung
SỮA DINH DƯỠNG PHA SẴN METACARE GOLD 180 ml

Main ingredient
from USA



Năng lượng, Protein giúp trẻ tăng cân, bắt kịp đà tăng trưởng. Cùng Canxi giúp trẻ phát triển chiều cao, Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi từ máu vào xương.



Bổ sung Nucleotit cùng hệ Antioxidant (Vitamin A, C, E, Se), Kẽm hỗ trợ tăng cường hệ miễn dịch cho trẻ.

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BÁC: 1800.60.11
MIỄN NAM: 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn

LẮC ĐỀU TRƯỚC KHI UỐNG
NGON HƠN KHI UỐNG LẠNH

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (*)

Thành phần	Trong 180 ml	Đơn vị
Năng lượng	147	kcal
Protein	5.85	g
Béo	5.89	g
DHA	5.35	mg
LA (Acid Linoleic)	314	mg
ALA (Acid Alpha Linoleic)	62.9	mg
Carbohydrate	18.3	g
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	1.10	g
HMO (2'-FL)	7.02	mg
Cholin	59.4	mg
Taurin	12.5	mg
Nucleotit	9.36	mg
Vitamin		
Vitamin A	792	IU
Vitamin D3	292	IU
Vitamin E	6.39	IU
Vitamin K1	5.66	µg
Vitamin K2	6.46	µg
Vitamin C	41.7	mg
Vitamin B1	310	µg
Vitamin B2	559	µg
Niacin	2856	µg
Axit pantothenic	720	µg
Vitamin B6	240	µg
Axit folic	71.1	µg
Vitamin B12	0.68	µg
Biotin	1.96	µg
Khoáng		
Natri	90.3	mg
Kali	242	mg
Canxi	188	mg
Phốt pho	157	mg
Magiê	31.4	mg
I-ốt	49.4	µg
Kẽm	3.74	mg
Đồng	43.6	µg
Mangan	155	µg
Selen	9.67	µg
Crôm	1.54	µg
Molybden	2.13	µg

(*) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi nhãn.